

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐẶNG SỸ PHƯỚC

**PHÁP LUẬT KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
VỀ AN NINH TRẬT TỰ, QUA THỰC TIỄN
TẠI THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 60 38 01 07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. TRẦN THỊ HUỆ

Thừa Thiên Huế, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, đây là công trình nghiên cứu nghiêm túc của bản thân dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên hướng dẫn PGS-TS Trần Thị Huệ. Mọi số liệu, thông tin trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc, bảo đảm tính chính xác, tin cậy và trung thực. Nếu có sai sót, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Vậy, tôi viết Lời cam đoan này, kính đề nghị trường Đại học Luật Huế xem xét để tôi có thể bảo vệ Luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, ngày tháng năm 2018

Người cam đoan

Đặng Sỹ Phước

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài
2. Tình hình nghiên cứu đề tài
3. Mục đích nhiệm vụ nghiên cứu
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài
6. Những kết quả nghiên cứu của luận văn
7. Kết cấu của luận văn

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ VÀ PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT

1.1. Khái niệm kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.1.1. Định nghĩa kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.1.2. Đặc điểm của kinh doanh có điều kiện về ANTT

1.1.3. Ý nghĩa của các điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự

1.2. Khái lược pháp luật kinh doanh có điều kiện về ANTT

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của các quy định pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.2.2. Nội dung tổng quát của pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.2.3. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.2.4. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT TẠI THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT

2.1.1. Quy định về ngành nghề cần tuân thủ điều kiện về ANTT

2.1.2. Quy định về điều kiện an ninh trật tự đối với doanh nghiệp khi kinh doanh ngành nghề có điều kiện

2.1.3. Quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT

2.1.4. Quy định về quản lý nhà nước và xử lý vi phạm trong kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự tại thành phố Huế-tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.1. *Khái quát về các doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Huế*

2.2.2. *Thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự tại thành phố Huế*

2.2.3. *Đánh giá việc áp dụng pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự*

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

3.1.1. *Hoàn thiện pháp luật về điều kiện ANTT để phù hợp với xu hướng đổi mới về điều kiện kinh doanh được quy định tại Luật Đầu tư 2014*

3.1.2. *Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT ở Việt Nam nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư và doanh nghiệp*

3.1.3. *Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự ở Việt Nam nhằm thực hiện cải cách thủ tục đầu tư*

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT

3.2.1. *Cần thống nhất văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự*

3.2.2. *Đảm bảo tính hợp pháp và sửa đổi nội dung của một số quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự*

3.2.3. *Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự*

3.2.4. *Xây dựng cơ chế giám sát và kênh thông tin phản hồi phù hợp để kiểm soát việc thực thi pháp luật về điều kiện kinh doanh*

3.2.5. *Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về các điều kiện an ninh trật tự cho các cơ sở kinh doanh và người dân*

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, điều kiện kinh doanh đã và đang trở thành một trong những công cụ quản lý nhà nước quan trọng. Bởi lẽ Nhà nước sẽ sử dụng điều kiện kinh doanh để điều tiết, kiểm soát các hoạt động kinh doanh, hướng đến bảo vệ quyền, lợi ích chung của cộng đồng và xã hội. Các quy định về điều kiện kinh doanh từ khi hình thành và được ghi nhận chính thức trong Luật Doanh nghiệp năm 1999 đã có nhiều thay đổi, góp phần hình thành và phát triển thể chế kinh tế thị trường, bảo đảm vai trò quản lý của nhà nước trong các lĩnh vực, ngành nghề có liên quan.

Cùng với những kết quả tích cực đã đạt được, pháp luật về điều kiện kinh doanh nói chung và pháp luật về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực an ninh trật tự nói riêng còn bộc lộ không ít những hạn chế; cụ thể như chưa được rõ ràng, minh bạch hay những quy định còn rườm rà, tản mạn tại nhiều văn bản khác nhau cũng như cơ chế kiểm soát, đánh giá việc ban hành, thực thi các điều kiện kinh doanh vẫn chưa được thực hiện thường xuyên và mang tính hệ thống. Có thể nói, những hạn chế trên đã phần nào làm giảm ý nghĩa của điều kiện kinh doanh trong quản lý nhà nước. Mặt khác, hạn chế quyền tự do kinh doanh của công dân và trong nhiều trường hợp gây “bức xúc” trong doanh nghiệp trên cả nước nói chung và địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, việc Việt Nam tham gia Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP (nay là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương CPTPP) sẽ tạo ra sức ép về cạnh tranh đối với các doanh nghiệp Việt Nam hay vấn đề mở cửa thị trường và nếu không có sự chuẩn bị thực sự tốt, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít khó khăn, bất lợi trong thời gian sắp tới.

Trước thực trạng của pháp luật về kinh doanh các ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự hiện nay cũng như vai trò, ý nghĩa của nó, việc nghiên cứu, đánh giá nhằm hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT là cần thiết, ý nghĩa. Đây chính là lý do để tác giả lựa chọn đề tài: ***“Pháp luật kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự qua thực tiễn tại thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế”*** làm đề tài luận văn Thạc sỹ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài Luận văn, đã có một số bài viết và một số công trình nghiên cứu ở những cấp độ khác nhau về kinh doanh có điều kiện như Luận văn, Khóa luận hay các bài báo tạp chí chuyên ngành Luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài nghiên cứu, có thể lược qua như: Vũ Thị Hiền, *Thực trạng pháp luật về điều kiện kinh doanh ở Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Hà Nội, 2014; Chu Thị Huyền Trang, *Pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh rượu ở Việt Nam*, luận văn thạc sỹ luật học; Hà Nội, 2017; *Thực trạng giấy phép kinh doanh*, Tạp chí nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Quốc hội, số 04 (2013); TS. Nguyễn Thị Yến, ThS. Trần Bảo Ánh, *Pháp luật về ngành nghề kinh doanh có điều kiện và kiến nghị hoàn thiện*, Tạp chí Luật học - Trường Đại học Luật Hà Nội, số 04 (2013)...

Tuy nhiên các công trình trên đa phần chỉ đề cập một cách khái quát về kinh doanh có điều kiện nói chung, đặc biệt những công trình nghiên cứu này chưa khai phá được những vấn đề pháp lý

và thực tiễn trong kinh doanh có điều kiện về ANTT. Đặc biệt, tính đến thời điểm hiện nay chưa có công trình nghiên cứu riêng nào phân tích, đánh giá việc thực hiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT trên địa bàn thành phố Huế, cũng như chưa có những giải pháp thích hợp nhằm hoàn thiện pháp luật kinh doanh có điều kiện về ANTT, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay.

Thông qua việc nghiên cứu đề tài, tác giả luận văn muốn đi sâu phân tích, đánh giá, đề xuất các định hướng cải cách nhằm từng bước xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, minh bạch cho các doanh nghiệp, góp phần xây dựng hệ thống pháp luật về điều kiện ANTT đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện ở địa bàn thành phố Huế nói riêng và cả nước nói chung.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về hoạt động kinh doanh có điều kiện về ANTT cũng như đi sâu phân tích vai trò quan trọng của các điều kiện an ninh, trật tự đối với một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện và chỉ rõ những thành tựu đã đạt được cùng những khó khăn trong việc áp dụng, thực hiện để từ đó đề xuất những giải pháp về mặt pháp lý nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động của lĩnh vực này.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài có nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- *Thứ nhất*, nêu và phân tích một số vấn đề lý luận về điều kiện kinh doanh, hoạt động kinh doanh có điều kiện về ANTT; làm rõ được hệ thống các quy định của pháp luật về các điều kiện ANTT áp dụng với các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện.

- *Thứ hai*, phân tích sự cần thiết phải điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực ANTT; và chỉ rõ những điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế nói chung, thành phố Huế nói riêng trong việc kinh doanh các ngành nghề có điều kiện về ANTT. Từ đó, đánh giá tình hình áp dụng các quy định pháp luật trong lĩnh vực này của các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện trên địa bàn tỉnh và phân tích được những thành tựu, những hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng các quy định của pháp luật tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Thứ ba*, đề xuất một số giải pháp để hoàn thiện chế định về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Tác giả tập trung nghiên cứu và làm rõ các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành, Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện để từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện các quy định đó.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Đề tài nghiên cứu hoạt động kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự nói chung và trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng trong những năm vừa qua và Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Đầu tư năm 2014 có hiệu lực từ ngày 1/7/2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của đề tài

Để đạt được các mục đích nghiên cứu mà đề tài đặt ra, trong quá trình nghiên cứu luận văn sử dụng phương pháp bình luận, diễn giải, so sánh, tổng hợp, phân tích,... Các phương pháp này được sử dụng trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lênin.

6. Những kết quả nghiên cứu của luận văn

Luận văn dự kiến khi hoàn thành sẽ có một số đóng góp mới như: Hệ thống hoá, kế thừa và phát triển các luận cứ khoa học về cơ sở lý luận của pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT thông qua việc nghiên cứu, đánh giá thực tiễn áp dụng tại địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Luận văn đưa ra những kết quả đạt được, những khó khăn trong quá trình thực hiện và chỉ ra những nguyên nhân của bất cập, hạn chế trong các quy định hiện hành về điều kiện an ninh trật tự áp dụng với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cũng như đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của thực tiễn thi hành lĩnh vực pháp luật này tại địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ đó, đề xuất một số giải pháp thiết thực góp phần sớm hoàn thiện các quy định pháp luật về điều kiện an ninh trật tự áp dụng với các doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện trên địa bàn; cũng như nâng cao hiệu quả pháp luật về hoạt động kinh doanh có điều kiện.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài Mục lục, Danh mục từ viết tắt, Danh mục bảng biểu, Lời mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương sau:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự và pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT.

Chương 2. Thực trạng pháp luật Việt Nam và thực tiễn thi hành pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự tại thành phố Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ VÀ PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT

1.1. Khái niệm kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

1.1.1. Định nghĩa kinh doanh có điều kiện về ANTT

Xét về mặt thuật ngữ, “*điều kiện kinh doanh*” được cấu phần bởi hai thành tố, đó là “*điều kiện*” và “*kinh doanh*”. Theo Từ điển Tiếng Việt, “*điều kiện*” được hiểu là cái cần phải có để cho một cái khác có thể xảy ra. Hay nói cách khác, “*điều kiện*” còn là điều được nêu ra như một đòi hỏi trước khi tiến hành thực hiện một hoạt động nào đó.

Thuật ngữ “*an ninh trật tự*” là cách viết gọn của cụm từ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thuật ngữ này được nêu tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 96/2016/NĐ-CP.

Tóm lại, có thể rút ra cách hiểu về kinh doanh có điều kiện về ANTT là “*hoạt động kinh doanh những ngành nghề mà việc thực hiện hoạt động kinh doanh trong ngành nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do an ninh, quốc phòng của quốc gia cũng như trật tự, kỷ cương và an toàn xã hội*”.

1.1.2. Đặc điểm của kinh doanh có điều kiện về ANTT

Thứ nhất, về mặt chủ thể: Chủ thể kinh doanh chỉ được phép kinh doanh khi đã đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, về mặt hình thức: Điều kiện kinh doanh về ANTT được thể hiện bằng những hình thức cụ thể tùy thuộc vào quy định của pháp luật.

Thứ ba, về đối tượng và phạm vi: Pháp luật chỉ đặt ra các điều kiện kinh doanh trong một số ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh nhất định.

Thứ tư, về ý nghĩa: Ý nghĩa của việc quy định điều kiện kinh doanh là để đảm bảo rằng chủ thể kinh doanh ngành nghề đó sẽ không gây thiệt hại hay đe dọa gây thiệt hại đến những lợi ích mà nhà nước cần bảo vệ.

1.1.3. Ý nghĩa của các điều kiện kinh doanh về ANTT

Thứ nhất, điều kiện kinh doanh về ANTT là một trong những công cụ đắc lực giúp cho Nhà nước thực hiện việc quản lý và điều tiết thị trường.

Thứ hai, điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự góp phần quyết định cơ cấu ngành nghề kinh doanh.

Thứ ba, điều kiện kinh doanh về ANTT là cơ sở cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện được chức năng quản lý doanh nghiệp cũng như giải quyết các tranh chấp, tạo ra sự ổn định và phát triển cho nền kinh tế.

1.2. Khái lược pháp luật kinh doanh có điều kiện ANTT

1.2.1. Quá trình hình thành và phát triển của các quy định pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

*** Giai đoạn trước năm 1999:**

Trong nền kinh tế kế hoạch tập trung, quyền tự do kinh doanh của các thành phần kinh tế dân doanh đã không được thừa nhận và tạo điều kiện để phát triển. Từ năm 1986, Nhà nước đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế tư nhân và là cơ sở cho sự hình thành của doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty. Riêng đối với điều kiện kinh doanh về ANTT, pháp luật bắt đầu có những quy định để tạo hành lang pháp lý điều chỉnh riêng đối với nhóm ngành nghề này.

*** Giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2005:**

Luật doanh nghiệp năm 1999 được ban hành đã tạo bước ngoặt lớn trong việc cải cách khung pháp luật về các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam, những ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT thì không cần giấy phép, tuy nhiên vẫn phải đáp ứng các điều kiện và thủ tục quy định tại Nghị định số 08/2001/NĐ-CP. Như vậy, so với thời kỳ trước, giai đoạn này pháp luật đã mở rộng về phạm vi các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT. Tuy nhiên, vẫn

có những bất cập nhất định, chưa đưa ra được cách hiểu thống nhất về điều kiện kinh doanh, chỉ đưa ra quy định chung, số lượng các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT ngày càng nhiều, do vậy tạo đà cho hàng loạt các vấn nạn sách nhiễu, phiền hà từ phía cơ quan công quyền đối với doanh nghiệp.

*** Giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2014:**

LDN năm 2005 ra đời thay thế LDN năm 1999, Thời kỳ này các quy định của pháp luật về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện không được quy định thống nhất ở một văn bản mà được quy định tản mát ở rất nhiều văn bản khác nhau. Đây là loại điều kiện kinh doanh dễ phát sinh tiêu cực trong quá trình xin cấp phép, cấp chứng nhận.

Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT, các văn bản mới được ban hành. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn tại hạn chế cần tiếp tục được nghiên cứu, khắc phục, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân và yêu cầu hội nhập của đất nước.

*** Giai đoạn từ khi Luật Doanh nghiệp 2014 và Luật Đầu tư 2014 có hiệu lực đến nay:**

Để khắc phục những hạn chế của Luật doanh nghiệp 2005 và đáp ứng yêu cầu cải cách để hội nhập quốc tế, Luật doanh nghiệp 2014 đã ra đời. Cùng với Luật Đầu tư 2014, Luật Doanh nghiệp 2014 vừa tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp đã và đang đi vào cuộc sống, nhưng đồng thời đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật cũ, tiếp tục tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, phù hợp với thông lệ quốc tế.

1.2.2. Nội dung tổng quát của pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

Pháp luật về kinh doanh ngành nghề có điều kiện ở Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau: Quy định về các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT; Quy định điều kiện kinh doanh về ANTT và các hình thức của điều kiện kinh doanh về ANTT; Quy định thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh về ANTT; Quy định về quản lý nhà nước đối với điều kiện kinh doanh về ANTT.

1.2.3. Pháp luật của một số quốc gia trên thế giới về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

*** Pháp luật về điều kiện kinh doanh của Trung Quốc**

Tại Trung Quốc, các quy định về điều kiện kinh doanh được nhà nước này quan tâm rất sát sao, đưa ra nhiều quy định phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội tại các đạo Luật có hiệu lực cao. Nhìn chung các điều kiện kinh doanh ở Trung Quốc cũng thể hiện ở hình thức văn bản chấp thuận hay điều kiện kinh doanh không cần văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền. DN tại Trung Quốc phải đáp ứng những điều kiện kinh doanh cả trước khi đăng ký thành lập DN và cả sau khi DN đi vào hoạt động. Khi thực hiện đăng ký thành lập DN, chủ thể kinh doanh phải xin chấp thuận của cơ quan nhà nước về: Tên của DN; Vốn pháp định.

Khi thực hiện hoạt động kinh doanh, DN phải xin phép hoạt động với cơ quan chuyên ngành quản lý lĩnh vực mà DN đó kinh doanh, bao gồm:

- GPKD tạm thời: Đây là giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời gian DN chờ đợi góp đầy đủ vốn pháp định.

- GPKD bắt buộc: Đây là yêu cầu bắt buộc phải có ở Trung Quốc gắn liền với một số ngành nghề nhất định.

Theo đánh giá của nhiều nhà nghiên cứu, việc cấp GPKD ở Trung Quốc rất phức tạp, cần đáp ứng rất nhiều yêu cầu và đối với các nhà đầu tư nước ngoài việc cấp phép kinh doanh sẽ khó khăn hơn nhà đầu tư trong nước.

*** *Pháp luật về điều kiện kinh doanh ở Mỹ***

Ở Mỹ có hai hệ thống cấp phép: Giấy phép và sự chấp thuận của Liên bang; Giấy phép và sự chấp thuận của tiểu bang. Hai hệ thống này song song tồn tại và chi phối đến hoạt động kinh doanh của DN. Bên cạnh GPKD cấp cho DN, Mỹ cũng tồn tại cơ chế cấp phép cho cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến năng lực, chuyên môn của cá nhân này nhằm bảo đảm lợi ích công cộng. Rất nhiều ngành nghề ở Mỹ chịu sự kiểm soát của các cơ quan quản lý. Sự kiểm soát này thể hiện ở 3 hình thức:

- Cấp phép: Đây là cơ chế bắt buộc đối với một số ngành nghề, chỉ khi có được giấy phép hành nghề này thì cá nhân mới được phép hoạt động trên thực tế.

- Cấp giấy chứng nhận: Việc cấp giấy chứng nhận được đặt ra khi hoạt động đó không có trong giới hạn của ngành nghề được cấp giấy phép, chủ thể thực hiện có thể tự nguyện xin xác nhận là có chuyên môn liên quan đến lĩnh vực này từ các cơ quan có thẩm quyền mà nhà nước chỉ định.

- Đăng ký: Các cơ quan có thẩm quyền sẽ lập một danh sách, cung cấp những điều kiện nhất định để được có tên trong danh sách này, sau đó các chủ thể có nhu cầu đăng ký tên và địa chỉ, trình độ với các cơ quan quản lý. Chỉ cần có khiếu nại của người tiêu dùng... thì chủ thể đó có thể bị loại ra khỏi danh sách này. Ngoài những điều kiện kinh doanh này, ở mỗi bang, tùy từng thời kỳ khác nhau, DN sẽ phải đáp ứng các điều kiện khác mà cơ quan quản lý đưa ra chẳng hạn như: chứng minh vốn pháp định (bang Delaware, bang NewYork), chứng minh khoản nợ của DN (ở Columbia)...

*** *Pháp luật về điều kiện kinh doanh ở Singapore***

Theo pháp luật Singapore, để có thể đăng ký kinh doanh hoặc thực hiện kinh doanh trong một số ngành nghề cụ thể, DN phải được cấp giấy phép hoặc được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Bên cạnh đó, tại Singapore có 3 loại giấy phép phổ biến, đó là:

- Giấy phép bắt buộc: Đây là loại giấy phép cấp cho DN kinh doanh nhưng không phải tất cả các DN mà chỉ một số loại hình DN nhất định đòi hỏi phải có giấy phép đặc biệt này trước khi họ có thể hoạt động.

- Giấy phép nghề nghiệp: Một DN muốn hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp (ví dụ như: dịch vụ khám chữa bệnh, dịch vụ pháp lý...), phải có giấy phép nghề nghiệp.

- Giấy phép hoạt động kinh doanh: Sau khi được thành lập, đi vào hoạt động, DN chỉ được thực hiện hoạt động đó khi được cấp giấy phép hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Họ sẽ phải kích hoạt tài khoản hải quan của mình trước khi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.

Các điều kiện kinh doanh đều được Chính phủ Singapore công khai trên các trang thông tin điện tử chính thức, các DN có thể sử dụng dịch vụ cấp phép EnterpriseOne kinh doanh trực tuyến (OBLS) để thực hiện việc xin những giấy phép cần thiết trong thành lập và hoạt động. Điều này rất hữu ích, các DN không phải mất thời gian để đến trực tiếp gặp các cơ quan có thẩm quyền.

1.2.4. Một số bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Thứ nhất, cần phải học tập các quốc gia khác trên thế giới thiết lập cổng thông tin điện tử cung cấp toàn bộ các nội dung liên quan đến điều kiện kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh. Với tiến bộ về khoa học kỹ thuật, việc thiết lập quản lý điều kiện kinh doanh qua mạng điện tử là một việc rất cần thiết và thiết nghĩ sẽ mang lại hiệu quả quản lý cao.

Thứ hai, xem xét, học tập và xây dựng cơ chế về điều kiện kinh doanh cho cá nhân ở Việt Nam. Vì hiện nay, các cá nhân thực hiện hoạt động kinh doanh ở Việt Nam phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ hành nghề khi kinh doanh trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng cơ chế đào tạo và cấp chứng chỉ hành nghề ở Việt Nam hiện nay rất nặng về hình thức và không được quản lý chặt chẽ. Cần thiết phải đặt ra cơ chế cấp phép chặt chẽ hơn đối với cá nhân tham gia vào hoạt động kinh doanh để họ có trách nhiệm hơn với nghề nghiệp mà mình thực hiện.

Thứ ba, phải xác định rõ căn cứ thiết lập các điều kiện kinh doanh. Thực tế, các điều kiện kinh doanh chỉ được đặt ra khi thực sự cần thiết để bảo vệ nền kinh tế và an ninh xã hội. Ở các quốc gia đã trình bày ở trên, đặc biệt là ở Mỹ, có rất nhiều các điều kiện kinh doanh nhưng đều đưa ra được căn cứ thật cần thiết để thiết lập điều kiện kinh doanh và quy định cụ thể việc quản lý nó như thế nào.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ ANTT TẠI THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

2.1. Thực trạng pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT

2.1.1. Quy định về ngành nghề cần tuân thủ điều kiện về ANTT

Nhìn chung, pháp luật đã bao quát và quy định rõ ràng đối với từng ngành nghề phải đáp ứng các điều kiện về ANTT. Tuy nhiên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, cần phải khắc phục như:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT chưa rõ ràng, cụ thể, gây khó khăn khi áp dụng.

Thứ hai, xuất hiện thêm những ngành nghề kinh doanh có ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội nhưng chưa được pháp luật điều chỉnh.

Thứ ba, một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT không còn phù hợp với thực tế.

2.1.2. Quy định về điều kiện an ninh trật tự đối với doanh nghiệp khi kinh doanh ngành nghề có điều kiện

2.1.2.1. Điều kiện về người đứng đầu doanh nghiệp

Được quy định tại khoản 1 Thông tư số 33/2010/TT-BCA và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn một số điểm hạn chế như sau:

Thứ nhất, các quy định về điều kiện đối với người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự chưa thống nhất, còn tản mát ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau khiến việc áp dụng và thực thi pháp luật gặp không ít khó khăn.

Thứ hai, một số quy định về điều kiện đối với người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự là không cần thiết.

Thứ ba, cần bổ sung thêm một số quy định để thực thi các điều kiện về an ninh trật tự đối với người đứng đầu doanh nghiệp.

2.1.2.2. Yêu cầu duy trì, đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu về an ninh, trật tự trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh

Bên cạnh điều kiện, tiêu chuẩn đặt ra với người đứng đầu doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT thì các doanh nghiệp còn phải duy trì, đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu về ANTT trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Cụ thể: Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 33/2010/TT-BCA.

2.1.2.3. Điều kiện về phòng cháy, chữa cháy

Bên cạnh các điều kiện trên, tại Điều 4 Thông tư số 33/2010/TT-BCA quy định một số cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT phải đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy.

2.1.2.4. Các điều kiện khác

Bên cạnh những điều kiện trên, các cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

Thứ nhất, chỉ các cá nhân, tổ chức Việt Nam ở trong nước mới được sản xuất con dấu.

Thứ hai, địa điểm kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự không nằm trong khu vực cấm.

Khoản 4 Điều 4 Nghị định số 72/2009/NĐ-CP quy định. Tuy nhiên, Nghị định lại không giải thích rõ ràng thế nào là khu vực cấm. Mà chúng ta có thể hiểu thế nào là khu vực cấm theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 160/2004/QĐ-Ttg.

2.1.3. Quy định về thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT là giấy chứng nhận độc lập, do cơ quan có thẩm quyền cấp cho cơ sở kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về ANTT. Do đó, việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh về ANTT phải thực hiện sau khi doanh nghiệp được

thành lập một cách hợp pháp, tức là đã được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp. Các điều kiện về ANTT phải được duy trì trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2.1.3.1. Cơ quan có thẩm quyền cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 33/2010/TT-BCA thì cơ quan Công an là chủ thể có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT.

2.1.3.2. Hồ sơ và thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT

Điều 5 Thông tư số 33/2010/TT-BCA quy định về hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT

Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT khá đơn giản; tuy nhiên vẫn còn bộc lộ một số hạn chế, vướng:

Thứ nhất, hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT quy định chung cho các ngành, nghề chưa được quy định cụ thể trong Nghị định. Do đó, đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác phòng ngừa, cũng như thực hiện các hoạt động nghiệp vụ của cơ quan Công an.

Thứ hai, về giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT. Nghị định số 72/2009/NĐ-CP chưa quy định cụ thể người đứng tên, nên một số cơ sở kinh doanh người đại diện theo pháp luật thường xuyên sinh sống ở nước ngoài, còn việc điều hành trực tiếp hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tại Việt Nam do người khác đảm nhiệm chịu trách nhiệm. Vì vậy, đã gây khó khăn cho cơ quan chức năng và giảm hiệu quả công tác quản lý.

Thứ ba, chưa quy định về phương án bảo đảm ANTT mà một số loại ngành, nghề kinh doanh cần phải có trước khi đi vào hoạt động. Do đó, trong thực tiễn khi xảy ra vụ việc có liên quan về ANTT bị lúng túng, hiệu quả xử lý thấp, có vụ hậu quả rất nặng nề.

2.1.4. Quy định về quản lý nhà nước và xử lý vi phạm trong kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

Hiện nay, việc quản lý nhà nước về doanh nghiệp nói chung và về kinh doanh có điều kiện về ANTT nói riêng đã có những thành công nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại không ít những hạn chế cần phải sửa đổi:

Thứ nhất, việc quy định về kinh doanh có điều kiện về an ANTT ở nước ta còn thiếu tập trung, rải rác trong nhiều văn bản khiến việc áp dụng gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, thiếu những cơ sở pháp lý cho việc kiểm tra giám sát việc áp dụng điều kiện về ANTT khiến cho cơ chế hậu kiểm bị buông lỏng và hiệu quả quản lý doanh nghiệp không được như mong muốn.

Thứ ba, các quy định về xử phạt vi phạm đối với các doanh nghiệp kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT còn chưa chặt chẽ, mức xử phạt thấp, không có tính răn đe.

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

2.2.1. Khái quát về các doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Huế

Tính đến ngày 31/12/2017, tổng số cơ sở kinh doanh có điều kiện hiện có trên địa bàn thành phố là 1.045 cơ sở, tăng 151 cơ sở so với trước khi thực hiện Thông tư số 33/2010/TT-BCA, trong đó, tăng nhiều nhất là loại hình kinh doanh dịch vụ với 46 cơ sở, kinh doanh karaoke với 54 cơ sở, kinh doanh lưu trú khác với 49 cơ sở. Nhìn chung các cơ sở kinh doanh ngành nghề có điều kiện về ANTT trên địa bàn thành phố Huế được thành lập hợp pháp, được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh về ANTT và kinh doanh theo phạm vi pháp luật quy định.

2.2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nhằm hướng dẫn, hỗ trợ và quản lý trong hoạt động kinh doanh có điều kiện về ANTT, lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế đã rất chú trọng ban hành và thực hiện nhất quán các chính sách nhằm phát triển hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh có điều kiện về ANTT nói riêng. Đối với các điều kiện về ANTT, cơ quan có thẩm quyền phải thực hiện thống nhất các văn bản pháp luật điều chỉnh trong hoạt động kinh doanh có điều kiện về ANTT

Nhờ đó, hiệu quả quản lý nhà nước đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT không ngừng được tăng cường.

2.2.3. Đánh giá việc áp dụng pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

2.2.3.1. Những kết quả đạt được

Quá trình triển khai, áp dụng các quy định của pháp luật về kinh doanh các ngành nghề có điều kiện về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Huế đã đạt được những kết quả tích cực.

2.2.3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Thứ nhất, nhận thức của chủ cơ sở và người làm nghề trong các cơ sở kinh doanh có điều kiện chưa cao.

Thứ hai, nhiều cơ sở kinh doanh chưa thực hiện nghiêm túc và duy trì đầy đủ các điều kiện về ANTT trong suốt quá trình kinh doanh.

Thứ ba, nhiều cơ sở kinh doanh cố tình lợi dụng sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý của chính quyền địa phương để thu lợi, gây mất ANTT.

CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI PHÁP LUẬT KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

3.1.1. Hoàn thiện pháp luật về điều kiện ANTT để phù hợp với xu hướng đổi mới về điều kiện kinh doanh được quy định tại Luật Đầu tư năm 2014

Lần đầu tiên, các ngành nghề kinh doanh có điều kiện được tập hợp và minh thị rõ ràng trong danh mục các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ghi nhận trong phụ lục Luật đầu tư năm 2014. Bên cạnh đó, việc liệt kê các ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện trong một văn bản pháp luật mang tính pháp điển hóa cao, một mặt tạo thuận lợi cho việc đảm bảo quyền tự do kinh doanh của công dân; mặt khác, giúp cho việc kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về điều kiện kinh doanh cũng thuận lợi hơn. Do đó, pháp luật về điều kiện ANTT cần phải tiếp tục hoàn thiện để phù hợp với xu hướng đổi mới về điều kiện kinh doanh được quy định tại Luật đầu tư 2014.

3.1.2. Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT ở Việt Nam nhằm đảm bảo quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư và doanh nghiệp

Khi đưa ra bất kỳ một điều kiện kinh doanh đối với doanh nghiệp, mục đích đầu tiên và quan trọng nhất mà các nhà lập pháp cần hướng tới đó chính là bảo vệ lợi ích công cộng, không nên đặt ra các điều kiện về ANTT chỉ để dễ dàng về mặt quản lý. Bởi, bảo đảm quyền tự do kinh doanh của nhà đầu tư và doanh nghiệp luôn là một nội dung mà pháp luật về điều kiện ANTT phải quan tâm hướng đến. Vì vậy, việc ban hành điều kiện kinh doanh về ANTT không nên chỉ xuất phát từ phía quan điểm của Nhà nước mà thiết nghĩ cần phải có cơ chế đồng thuận từ nhiều phía, trong đó đề cao phản biện xã hội, nhất là từ phía các doanh nghiệp để có được nhận thức toàn diện và bước đi đúng đắn hơn.

3.1.3. Hoàn thiện pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự ở Việt Nam nhằm thực hiện cải cách thủ tục đầu tư

Trước hết, cần phải xây dựng được cơ sở pháp lý quy định công khai về thủ tục nhà đầu tư phải tiến hành. Đó là, phải đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp có thể thực hiện được, đơn giản, nhanh gọn, giảm thiểu khâu trung gian, có hướng dẫn cụ thể từ phía cơ quan có thẩm quyền, tránh việc trả lại hồ sơ liên tục vì mỗi lần thiếu một loại giấy tờ.

Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng cơ chế “một cửa”, tiến tới xây dựng cơ chế “một cửa liên thông” giữa các sở, ban, ngành có chức năng quản lý nhà nước và các cấp chính quyền trong vấn đề giải quyết thủ tục cấp giấy phép cho các tổ chức và cá nhân thực hiện các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT

3.2.1. Cần thống nhất văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh có điều kiện về an ninh trật tự

Như đã phân tích ở trên, việc điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT được quy định tại rất nhiều văn bản khác nhau khiến cho các điều kiện về ANTT không được hiểu một cách thống nhất, rõ ràng, gây khó khăn trong hoạt động thi hành. Nhằm thống nhất trong thực hiện cũng như trong công tác quản lý của các cơ quan chức năng.

Vì vậy, người viết xin mạnh dạn đề xuất bố cục và nội dung của Nghị định mới về việc điều chỉnh các ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT. Nghị định này được kết cấu thành 07 chương, cụ thể như sau:

Chương I: Quy định chung.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và phạm vi quản lý; giải thích từ ngữ; nguyên tắc hoạt động và quản lý ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; các hành vi bị nghiêm cấm; tổ chức, cá nhân không có quyền thành lập, quản lý cơ sở kinh doanh hoặc trực tiếp điều hành hoạt động kinh doanh.

Chương II: Điều kiện về an ninh, trật tự.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về điều kiện áp dụng chung cho các ngành, nghề; điều kiện về phương án bảo đảm an ninh, trật tự; điều kiện thành lập và quản lý hoạt động áp dụng đối với một số ngành, nghề; điều kiện cụ thể áp dụng đối với một số ngành, nghề; văn bản xác nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự để hoạt động kinh doanh.

Chương III: Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về nội dung giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; thời hạn có giá trị sử dụng của giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; người đứng tên ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý, sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự.

Chương IV: Hồ sơ và trình tự, thủ tục thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về hồ sơ cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT áp dụng chung cho các ngành, nghề; hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự áp dụng đối với một số ngành, nghề; hồ sơ cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; hồ sơ và thời gian cấp lại áp dụng đối với cơ sở kinh doanh bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện về ANTT; trình tự, thủ tục, thời gian cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ.

Chương V: Trách nhiệm của cơ sở kinh doanh.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về trách nhiệm chung áp dụng đối với các ngành, nghề; trách nhiệm cụ thể đối với từng ngành, nghề.

Chương VI: Thẩm quyền, trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và công tác thanh tra, kiểm tra.

Tại chương này, cần quy định cụ thể về trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Tài chính; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; kiểm tra, thanh tra.

Chương VII: Điều khoản thi hành.

Giống như các Nghị định khác, tại chương cuối này quy định về hiệu lực thi hành; quy định chuyển tiếp; hướng dẫn thi hành và trách nhiệm thi hành.

3.2.2. Đảm bảo tính hợp pháp và sửa đổi nội dung của một số quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự

Trên thực tế, để các điều kiện kinh doanh về ANTT được áp dụng một cách hợp pháp, cần phải quán triệt quan điểm tên của ngành nghề kinh doanh và điều kiện kinh doanh tương ứng bắt buộc phải được quy định trong Luật, Pháp lệnh, Nghị định và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, các quy định của pháp luật về điều kiện ANTT phải được nêu một cách rõ ràng, cụ thể.

Bên cạnh đó, các quy định về điều kiện ANTT bộc lộ những bất cập, hạn chế thì cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp chẳng hạn như bổ sung thêm các ngành nghề đáp ứng tiêu chuẩn

ANTT, như: karaoke, vũ trường; quy định về xử phạt vi phạm các điều kiện về ANTT.... Để làm được điều này, đề nghị các cơ quan có thẩm quyền cần rà soát lại hệ thống văn, đồng thời, lấy ý kiến của các cơ sở kinh doanh cũng như tổng kết tình hình thực tiễn để có hướng sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3.2.3. Thiết lập cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về điều kiện kinh doanh về an ninh trật tự

Hiện nay việc một lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT chịu sự quản lý của hai hay nhiều cơ quan là điều khó tránh khỏi. Để phát huy được hiệu quả việc thực thi pháp luật về điều kiện kinh doanh về ANTT thì nhất thiết phải xây dựng những cơ chế liên ngành trong quản lý các vấn đề liên quan đến điều kiện ANTT. Trong các cơ quan quản lý này, phải lựa chọn ra một cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm quản lý chung hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực mình quản lý. Như vậy, nếu thiết lập được những cơ chế liên kết một cách chặt chẽ và rõ ràng như vậy sẽ đem lại hiệu quả tối ưu cho công tác quản lý, từ đó nâng cao vai trò của pháp luật về kinh doanh có điều kiện về ANTT trong nền kinh tế.

3.2.4. Xây dựng cơ chế giám sát và kênh thông tin phản hồi phù hợp để kiểm soát việc thực thi pháp luật về điều kiện kinh doanh

Thực tế đã phản ánh hoạt động giám sát thực thi pháp luật về điều kiện kinh doanh nói chung và điều kiện ANTT ở nước ta còn quá yếu kém. Vì vậy, cần thiết phải có những quy định, cơ sở pháp lý rõ ràng để thiết lập nên sự kết hợp của nhiều bên trong việc giám sát thực thi pháp luật về điều kiện ANTT và xây dựng kênh thông tin phản hồi để tiếp nhận kết quả từ quá trình giám sát đó. Theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới, việc quản lý thực thi pháp luật về điều kiện kinh doanh nói chung nhất thiết phải có những kênh giám sát sau:

Một là, giám sát của các cơ quan Nhà nước.

Hai là, giám sát nội bộ doanh nghiệp.

Ba là, giám sát của chủ nợ và bạn hàng.

Bốn là, giám sát của các cơ quan báo chí và truyền thông.

Năm là, giám sát của các đối thủ cạnh tranh.

Sáu là, giám sát của người tiêu dùng, khách hàng.

3.2.5. Tăng cường các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về các điều kiện an ninh trật tự cho các cơ sở kinh doanh và người dân

Trên thực tế, rất nhiều cơ sở kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện về ANTT hiểu rõ trách nhiệm của mình khi kinh doanh các ngành nghề có điều kiện về ANTT và cũng thấy rõ hậu quả khi không chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện về ANTT nhưng vì “hám lợi” nên vẫn cố tình vi phạm các điều kiện này. Thậm chí sẵn sàng bao che cho tội phạm, không phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền hoặc cố tình bị xử lý vi phạm nhưng tiếp tục tái phạm.... Chính vì vậy, các cơ quan chức năng cần phải tăng cường hơn nữa các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, nâng cao hơn nữa ý thức chấp hành các điều kiện về ANTT cho các cơ sở kinh doanh và cho người dân để họ có thể hiểu và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

KẾT LUẬN

* * *

Trải qua nhiều năm, pháp luật về điều kiện kinh doanh về ANTT càng ngày càng khẳng định rõ vai trò quan trọng của mình trong việc quản lý hoạt động kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện về ANTT. Để thích ứng với trình độ phát triển nền kinh tế, nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư, nhà nước ta đã luôn cố gắng hoàn thiện từng bước các quy định về điều kiện kinh doanh nói chung và điều kiện ANTT nói riêng để tạo nên những cơ sở pháp lý có tính thực thi cao.

Tuy nhiên, trải qua một quá trình áp dụng lâu dài trong đời sống kinh doanh, các quy định của pháp luật bắt đầu bộc lộ nhiều hạn chế và thiếu sót. Những hạn chế, thiếu sót này đã là nguyên nhân sâu xa khiến cho việc thực thi pháp luật về điều kiện ANTT không hiệu quả, những vi phạm pháp luật về điều kiện ANTT vẫn diễn ra gây ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Với việc phân tích thực tiễn áp dụng trên địa bàn thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng ta có thể hình dung ra được phần nào những ảnh hưởng của điều kiện ANTT trên thực tế. Đứng trước thực trạng đó, chúng ta cần phải có những giải pháp để đi đến cải cách và hoàn thiện pháp luật về điều kiện ANTT. Quá trình này có thể sẽ tốn rất nhiều thời gian, công sức cũng như tiền bạc của nhà nước, nhưng chỉ có làm như vậy thì chúng ta mới có thể hoàn thiện pháp luật về điều kiện ANTT một cách toàn diện và hiệu quả thực thi mới được nâng cao, góp phần thúc đẩy hoạt động đầu tư, kinh doanh, tạo nên tiền đề phát triển nền kinh tế./.